

Số: 389/BVTT

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2022

**BẢN CÔNG BỐ**

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành  
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

**Kính gửi: Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo- Bộ Y tế**

Tên cơ sở công bố : BỆNH VIỆN TUỆ TỈNH  
Giấy phép hoạt động số : 290/BYT-GPHĐ cấp ngày 23/07/2014  
Địa chỉ : Số 02, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội  
Chịu trách nhiệm chuyên môn : TS. Nguyễn Tiến Chung  
Điện thoại liên hệ : 024 33560140  
Email : bvtuetinh@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Bệnh viện Tuệ Tĩnh công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Y học cổ truyền (Phụ lục 1)

2. Trình độ đào tạo thực hành: Tiến sỹ, Thạc sỹ, Bác sỹ chuyên khoa cấp I, bác sỹ chuyên khoa cấp II, Đại học. (Phụ lục 1)

3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): 265 học viên tại một thời điểm. (Phụ lục 1)

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu theo chương trình thực hành.

5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh kế hoạch tại mỗi khoa phòng.

| STT | Khoa/ phòng              | Số giường | Ghi chú |
|-----|--------------------------|-----------|---------|
|     | <b>Khối Lâm sàng</b>     |           |         |
| 1.  | Khoa Nội- nhi            | 20        |         |
| 2.  | Khoa Lão – Tim mạch      | 28        |         |
| 3.  | Khoa Nội tiết chuyển hóa | 15        |         |
| 4.  | Khoa Thận Tiết niệu      | 05        |         |



|     |                          |               |                        |
|-----|--------------------------|---------------|------------------------|
| 5.  | Khoa Ung bướu            | 10            |                        |
| 6.  | Khoa Ngoại               | 06            |                        |
| 7.  | Khoa Da liễu             | 10            |                        |
| 8.  | Khoa Phụ sản             | 05            |                        |
| 9.  | Khoa Cơ xương khớp       | 26            |                        |
| 10. | Khoa PHCN - VLTL         | 28            |                        |
| 11. | Khoa Châm cứu            | 26            |                        |
| 12. | Khoa Hồi sức cấp cứu     | 5             |                        |
| 13. | Khoa Ngũ quan            | 5             |                        |
| 14. | Khoa Tâm thần kinh       | 5             |                        |
| 15. | Khoa Khám bệnh           | 10 phòng khám | Phòng khám chuyên khoa |
|     | <b>Khối cận lâm sàng</b> |               |                        |
| 16. | Khoa Xét nghiệm          |               |                        |
| 17. | Khoa Dược                |               |                        |
| 18. | Khoa Thăm dò chức năng   |               |                        |
| 19. | Khoa Chẩn đoán hình ảnh  |               |                        |
|     | <b>Tổng số</b>           | <b>280</b>    |                        |



**6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành.**  
(Phụ lục 2)

Bệnh viện Tuệ Tĩnh cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

**Trân trọng cảm ơn!**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTH.



HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM  
BỆNH VIỆN TUỆ TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2022

Phụ lục 1 (kèm theo bản công bố số 389 /BVTT, ngày 16 tháng 6 năm 2022)

**THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN (Tại một thời điểm)**

| Mã đào tạo                    | Trình độ | Ngành/Chuyên ngành | Môn học/Học phần/Tín chỉ | Nội dung môn học                        | Khoa thực hành      | Số lượng Người dạy đạt yêu cầu | Số lượng Đào tạo tối đa theo Người dạy | Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH | Số lượng đào tạo tối đa theo giường | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|-------------------------------|----------|--------------------|--------------------------|-----------------------------------------|---------------------|--------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|---------------------------|
| <b>I. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC</b> |          |                    |                          |                                         |                     |                                |                                        |                                   |                                     |                   |                           |
| 9720115                       | Tiến sĩ  | YHCT               | Môn chuyên ngành         | Chuyên ngành tự chọn: Nội (YHCT + YHHĐ) | Khoa Thận tiết niệu | 1                              | 5                                      | 5                                 | 15                                  | 0                 | 5                         |
|                               |          |                    |                          |                                         | Khoa Nội tiết       | 1                              | 5                                      | 15                                | 45                                  | 0                 | 5                         |
|                               |          |                    |                          | Chuyên ngành tự chọn: Nhi (YHCT + YHHĐ) | Khoa Nội nhi        | 1                              | 5                                      | 20                                | 60                                  | 0                 | 5                         |
|                               |          |                    |                          | Chuyên ngành tự chọn: Lão (YHCT + YHHĐ) | Khoa Lão - TM       | 1                              | 5                                      | 28                                | 84                                  | 0                 | 5                         |

|            |                                    |      |                                   |                                   |                                 |                 |    |    |    |    |    |
|------------|------------------------------------|------|-----------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-----------------|----|----|----|----|----|
| CK62726001 | Bác sĩ<br>chuyên<br>khoa<br>cấp II | YHCT | Khí công –<br>dưỡng sinh-<br>XBBH | Khí công – dưỡng sinh-<br>XBBH    | Khoa<br>Châm cứu                | 1               | 5  | 26 | 78 | 0  | 5  |
|            |                                    |      |                                   |                                   | Khoa<br>PHCN                    | 1               | 5  | 28 | 84 | 0  | 5  |
|            |                                    |      | Môn chuyên<br>ngành tự<br>chọn    | Chuyên ngành Nội<br>(YHCT+YHHĐ)   | Khoa<br>PHCN                    | 1               | 5  | 28 | 84 | 0  | 5  |
|            |                                    |      |                                   |                                   | Khoa Nội<br>tiết                | 1               | 5  | 15 | 45 | 0  | 5  |
|            |                                    |      |                                   | Chuyên ngành Ngoại<br>(YHCT+YHHĐ) | Khoa<br>Ngoại                   | 1               | 5  | 6  | 18 | 0  | 5  |
|            |                                    |      |                                   |                                   | Chuyên ngành Nhi<br>(YHCT+YHHĐ) | Khoa Nội<br>nhi | 1  | 5  | 20 | 60 | 0  |
| 8720115    | Thạc sĩ                            | YHCT | Môn chuyên<br>ngành bắt<br>buộc   | Phương tể học lâm sàng            | Khoa Nội<br>tiết                | 2               | 10 | 15 | 45 | 0  | 10 |
|            |                                    |      |                                   | Châm cứu                          | Khoa<br>châm cứu                | 1               | 5  | 26 | 78 | 0  | 5  |
|            |                                    |      |                                   | Khí công – dưỡng sinh-<br>XBBH    | Khoa Cơ<br>xương<br>khớp        | 1               | 5  | 26 | 78 | 0  | 5  |
|            |                                    |      | Môn chuyên<br>ngành tự<br>chọn    | Chuyên ngành Nội<br>(YHCT+YHHĐ)   | Khoa Da<br>liệu                 | 1               | 5  | 10 | 30 | 0  | 5  |
|            |                                    |      |                                   |                                   | Khoa Ung<br>bướu                | 2               | 10 | 10 | 30 | 0  | 10 |
|            |                                    |      |                                   |                                   | Khoa Ngũ<br>quan                | 1               | 5  | 5  | 15 | 0  | 5  |
|            |                                    |      |                                   | Chuyên ngành Ngoại<br>(YHCT+YHHĐ) | Khoa<br>Ngoại                   | 1               | 5  | 6  | 18 | 0  | 5  |

|            |                          |      |                                                  |                                                  |                      |   |    |    |    |   |    |
|------------|--------------------------|------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|---|----|----|----|---|----|
|            |                          |      |                                                  | Chuyên ngành Nhi (YHCT+YHHĐ)                     | Khoa Nội nhi         | 1 | 5  | 20 | 60 | 0 | 5  |
| CK607260   | Bác sĩ chuyên khoa cấp I | YHCT | Môn chuyên ngành bắt buộc                        | Phương tễ học lâm sàng                           | Khoa Lão - TM        | 1 | 5  | 28 | 84 | 0 | 5  |
|            |                          |      |                                                  | Châm cứu                                         | Khoa châm cứu        | 1 | 5  | 26 | 78 | 0 | 5  |
|            |                          |      |                                                  | Khí công – dưỡng sinh - XBBH                     | Khoa PHCN            | 1 | 5  | 28 | 84 | 0 | 5  |
|            |                          |      | Môn chuyên ngành tự chọn                         | Chuyên ngành Nội (YHCT+YHHĐ)                     | Khoa Cơ xương khớp   | 1 | 5  | 26 | 78 | 0 | 5  |
|            |                          |      |                                                  |                                                  | Khoa Hồi sức cấp cứu | 1 | 5  | 10 | 30 | 0 | 5  |
|            |                          |      |                                                  | Chuyên ngành Ngoại (YHCT+YHHĐ)                   | Khoa Ngoại           | 1 | 5  | 6  | 18 | 0 | 5  |
|            |                          |      |                                                  | Chuyên ngành Nhi (YHCT+YHHĐ)                     | Khoa Nội nhi         | 1 | 5  | 20 | 60 | 0 | 5  |
| NT62726001 | Bác sỹ Nội trú           | YHCT | Châm cứu (tích hợp điều trị)                     | Châm cứu (tích hợp điều trị)                     | Khoa châm cứu        | 1 | 5  | 26 | 78 | 0 | 5  |
|            |                          |      | Khí công - dưỡng sinh - XBBH (tích hợp điều trị) | Khí công - dưỡng sinh - XBBH (tích hợp điều trị) | Khoa PHCN            | 1 | 5  | 28 | 84 | 0 | 5  |
|            |                          |      | Phương tễ lâm sàng (tích hợp điều trị)           | Phương tễ lâm sàng (tích hợp điều trị)           | Khoa Lão - TM        | 2 | 10 | 28 | 84 | 0 | 10 |

|                            |                |             |                                                                    |                                                                    |               |   |    |    |    |   |    |
|----------------------------|----------------|-------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------|---|----|----|----|---|----|
|                            |                |             | Chuyên đề chuyên ngành Nội và Điều trị nội - nhi YHHĐ kết hợp YHCT | Chuyên đề chuyên ngành Nội và Điều trị nội - nhi YHHĐ kết hợp YHCT | Khoa Nội nhi  | 1 | 5  | 20 | 60 | 0 | 5  |
|                            |                |             | Chuyên đề chuyên ngành Ngoại và Điều trị ngoại YHHĐ kết hợp YHCT   | Chuyên đề chuyên ngành Ngoại và Điều trị ngoại YHHĐ kết hợp YHCT   | Khoa Ngoại    | 1 | 5  | 6  | 18 | 0 | 5  |
| <b>II. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC</b> |                |             |                                                                    |                                                                    |               |   |    |    |    |   |    |
| <b>7720115</b>             | <b>Đại học</b> | <b>YHCT</b> | Thuốc y học cổ truyền                                              | Thuốc y học cổ truyền                                              | Khoa Dược     | 1 | 10 |    |    | 0 | 10 |
|                            |                |             | Châm cứu                                                           | Châm cứu                                                           | Khoa châm cứu | 1 | 10 | 26 | 78 | 0 | 10 |
|                            |                |             | Phương pháp điều trị không dùng thuốc                              | Phương pháp điều trị không dùng thuốc                              | Khoa PHCN     | 1 | 10 | 28 | 84 | 0 | 10 |



|  |  |  |                                   |                                   |                |   |    |    |    |   |    |
|--|--|--|-----------------------------------|-----------------------------------|----------------|---|----|----|----|---|----|
|  |  |  | Phương tể                         | Phương tể                         | Khoa Nội tiết  | 1 | 10 | 15 | 45 | 7 | 3  |
|  |  |  | Bệnh học và điều trị Nội YHCT     | Bệnh học và điều trị Nội YHCT     | Khoa Thận - TN | 2 | 20 | 5  | 15 | 7 | 13 |
|  |  |  | Bệnh học và điều trị Ngoại YHCT   | Bệnh học và điều trị Ngoại YHCT   | Khoa Ngoại     | 1 | 10 | 6  | 18 | 5 | 5  |
|  |  |  | Bệnh học và điều trị Phụ sản YHCT | Bệnh học và điều trị Phụ sản YHCT | Khoa Phụ sản   | 1 | 10 | 5  | 15 | 0 | 10 |
|  |  |  | Bệnh học và điều trị Nhi YHCT     | Bệnh học và điều trị Nhi YHCT     | Khoa Nội nhi   | 1 | 10 | 20 | 60 | 7 | 3  |
|  |  |  | Bệnh học và điều trị Lão YHCT     | Bệnh học và điều trị Lão YHCT     | Khoa Lão - TM  | 1 | 10 | 28 | 84 | 7 | 3  |

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2022

Phụ lục 2 (kèm theo bản công bố số 389/BVTT, ngày 16 tháng 6 năm 2022)

**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (Tại một thời điểm)**

| STT      | Họ và tên                                                                  | Học hàm học vị, Chuyên khoa Nội trú | Ngành, Chuyên ngành đã được đào tạo | Chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề                         | Số năm kinh nghiệm KCB | Môn học/ Học phần/ Tín chỉ              | Nội dung môn học                        | Khoa đạt yêu cầu thực hành | Số giường đạt yêu cầu thực hành |
|----------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------|---------------------------------|
| <b>I</b> | <b>ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Tiến sỹ</b>                       |                                     |                                     |                     |                                           |                        |                                         |                                         |                            |                                 |
| <b>1</b> | <b>ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Tiến sỹ/ Chuyên ngành tự chọn</b> |                                     |                                     |                     |                                           |                        |                                         |                                         |                            |                                 |
| 1        | Đoàn Quang Huy                                                             | PGS.TS                              | Nội khoa trung y                    | 000971/BYT-CCHN     | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | 15                     | Chuyên ngành tự chọn: Nội (YHCT + YHHĐ) | Chuyên ngành tự chọn: Nội (YHCT + YHHĐ) | Khoa Thận - TN             | 5                               |
| 2        | Trần Thị Thu Vân                                                           | PGS.TS                              | Nội khoa trung y                    | 0014071/BYT-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | 15                     |                                         |                                         | Khoa Nội tiết              | 15                              |
| 3        | Phạm Quốc Bình                                                             | PGS.TS                              | Nội YHCT                            | 033491/BYT-CCHN     | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | 30                     | Chuyên ngành tự chọn: Lão (YHCT+YHHĐ)   | Chuyên ngành tự chọn: Lão (YHCT + YHHĐ) | Khoa Lão                   | 28                              |

|    |                                                                                   |         |                                  |                    |                                                                                            |    |                                         |                                         |                         |    |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------|----|
| II | BÁC SĨ CHUYÊN KHOA II                                                             |         |                                  |                    |                                                                                            |    |                                         |                                         |                         |    |
| 1  | ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Chuyên khoa II/ Khí công – dưỡng sinh- XBBH |         |                                  |                    |                                                                                            |    |                                         |                                         |                         |    |
| 1  | Nguyễn Vinh Huy Chính                                                             | BSCKII  | Phục hồi chức năng YHCT          | 001984/BYT-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền kết hợp phục hồi chức năng                       | 13 | Khí công – dưỡng sinh- XBBH             | Khí công – dưỡng sinh- XBBH             | Khoa PHCN               | 28 |
| 2  | Trần Đức Hữu                                                                      | Tiến sĩ | Nội khoa trung y                 | 001980/BYT-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                                                  | 12 |                                         |                                         | Khoa Châm cứu           | 26 |
| 2  | ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Chuyên khoa II/ Chuyên ngành tự chọn        |         |                                  |                    |                                                                                            |    |                                         |                                         |                         |    |
| 1  | Nguyễn Thị Hồng Loan                                                              | BSCKII  | Nội khoa                         | 00002018/ BYT-CCHN | KB,CB chuyên Nội tổng hợp                                                                  | 15 | Chuyên ngành tự chọn: Nội (YHCT + YHHĐ) | Chuyên ngành tự chọn: Nội (YHCT + YHHĐ) | Khoa Nội tiết           | 15 |
| 2  | Đỗ Thị Thúy Anh                                                                   | BSCKII  | Chuyên khoa tâm thần, PHCN, YHCT | 002289/BYT-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền kết hợp phục hồi chức năng, chuyên khoa tâm thần | 23 |                                         |                                         | Khoa Phục hồi chức năng | 28 |

|     |                                                                                 |         |                        |                      |                                                 |    |                                                  |                                                    |                             |    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------|----------------------|-------------------------------------------------|----|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------|----|
| 3   | Nguyễn Tiến Chung                                                               | TS.BS   | Nội<br>khoa<br>YHCT    | 000977/BYT-<br>CCHN  | Khám bệnh,<br>chữa bệnh bằng<br>Y học cổ truyền | 15 | Chuyên ngành tự<br>chọn: Nội<br>(YHCT +<br>YHHĐ) | Chuyên ngành tự<br>chọn: Nội<br>(YHCT+ YHHĐ)       | Khoa<br>Cơ<br>xương<br>khớp | 26 |
| 4   | Đoàn Minh Thụy                                                                  | PGS.TS  | YHCT                   | 000983/BYT-<br>CCHN  | Khám bệnh,<br>chữa bệnh bằng<br>Y học cổ truyền | 23 | Chuyên ngành tự<br>chọn: Ngoại<br>(YHCT + YHHĐ)  | Chuyên ngành<br>tự chọn:<br>Ngoại (YHCT<br>+ YHHĐ) | Khoa<br>Ngoại               | 6  |
| 5   | Trần Anh Tuấn                                                                   | Tiến sĩ | Nội<br>khoa<br>trung y | 025368/HNO-<br>CCHN  | Khám bệnh,<br>chữa bệnh bằng<br>Y học cổ truyền | 13 | Chuyên ngành tự<br>chọn: Nhi(YHCT<br>+ YHHĐ)     | Chuyên ngành<br>tự chọn:<br>Nhi(YHCT +<br>YHHĐ)    | Khoa<br>Nội<br>nhi          | 20 |
| III | <b>THẠC SĨ</b>                                                                  |         |                        |                      |                                                 |    |                                                  |                                                    |                             |    |
| 1   | <b>ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Thạc sĩ/ Môn chuyên ngành bắt buộc</b> |         |                        |                      |                                                 |    |                                                  |                                                    |                             |    |
| 1   | Trần Thị Thu Hương                                                              | Thạc sĩ | YHCT                   | 0014097/BYT<br>-CCHN | Khám bệnh,<br>chữa bệnh bằng<br>Y học cổ truyền | 15 | Phương tễ học<br>lâm sàng                        | Phương tễ<br>học lâm sàng                          | Khoa<br>Nội<br>tiết         | 15 |
| 2   | Nguyễn Anh Thư                                                                  | Thạc sĩ | YHCT                   | 0021420/BYT<br>-CCHN | Khám bệnh,<br>chữa bệnh bằng<br>Y học cổ truyền | 9  |                                                  |                                                    |                             |    |
| 3   | Nguyễn Văn Hải                                                                  | Tiến sĩ | Nội<br>khoa<br>YHCT    | 21412/BYT-<br>CCHN   | Khám bệnh,<br>chữa bệnh bằng<br>Y học cổ truyền | 9  | Châm cứu                                         | Châm cứu                                           | Khoa<br>Châm<br>cứu         | 26 |

|                                                                               |                    |         |                    |                  |                                                                                |    |                              |                              |                    |    |
|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------|--------------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----|------------------------------|------------------------------|--------------------|----|
| 4                                                                             | Phạm Thanh Tùng    | Tiến sĩ | YHCT               | 000652/BYT-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                                      | 12 | Khí công – dưỡng sinh-XBBH   | Khí công – dưỡng sinh-XBBH   | Khoa XBBH          | 6  |
| 4                                                                             | Phạm Minh Vương    | Thạc sĩ | YHCT               | 0021703/BYT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                                      | 8  | Khí công – dưỡng sinh-XBBH   | Khí công – dưỡng sinh-XBBH   | Khoa Cơ xương khớp | 26 |
| <b>IV ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Thạc sĩ/ Chuyên ngành tự chọn</b> |                    |         |                    |                  |                                                                                |    |                              |                              |                    |    |
| 1                                                                             | Nguyễn Thị Phương  | Thạc sĩ | Da liễu YHCT       | 0021417/BYT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền kết hợp chuyên khoa Da liễu          | 8  | Chuyên ngành Nội(YHCT+YH HĐ) | Chuyên ngành Nội(YHCT+YH HĐ) | Khoa Da liễu       | 5  |
| 2                                                                             | Nguyễn Quang Dương | Thạc sĩ | YHCT               | 007162/BYT-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                                      | 10 |                              |                              | Khoa Ung bướu      | 10 |
| 3                                                                             | Hoàng Văn Vịnh     | Thạc sĩ | YHCT               | 021713/ BYT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                                      | 3  |                              |                              |                    |    |
| 4                                                                             | Cao Thị Vân Anh    | Thạc sĩ | YHCT, Tai mũi họng | 004423/BYT-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền kết hợp với chuyên khoa Tai mũi họng | 15 |                              |                              | Khoa Ngủ quan      | 5  |

|     |                                                                                              |         |                    |                  |                                                                                      |    |                                |                               |                         |    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------|----|
| 5   | Lê Mạnh Cường                                                                                | Tiến sĩ | Ngoại khoa         | 0014298/BYT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền kết hợp với điều trị ngoại khoa bằng YHCT  | 27 | Chuyên ngành Ngoại(YHCT+Y HHD) | Chuyên ngành Ngoại(YHCT+YHHD) | Khoa Ngoại              | 6  |
| 6   | Trần Thị Thu Hà                                                                              | Thạc sĩ | Đa khoa YHCT       | 0014091/BYT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền kết hợp chuyên khoa Da liễu, truyền nhiễm  | 14 | Chuyên ngành Nhi(YHCT+YH HĐ)   | Chuyên ngành Nhi(YHCT+Y HHD)  | Khoa Nội nhi            | 20 |
| III | <b>BÁC SĨ CHUYÊN KHOA I</b>                                                                  |         |                    |                  |                                                                                      |    |                                |                               |                         |    |
| 1   | <b>ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Bác sĩ chuyên khoa I/ Môn chuyên ngành bắt buộc</b> |         |                    |                  |                                                                                      |    |                                |                               |                         |    |
| 1   | Đặng Văn Tĩnh                                                                                | BSCKI   | YHCT               | 0014092/BYT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                                            | 10 | Phương tễ học lâm sàng         | Phương tễ học lâm sàng        | Khoa Lão TM             | 28 |
| 3   | Dương Thị Thúy Hòa                                                                           | BSCKI   | Phục hồi chức năng | 004422/BYT-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền kết hợp với chuyên khoa Phục hồi chức năng | 8  | Khí công – dưỡng sinh-XBBH     | Khí công – dưỡng sinh-XBBH    | Khoa Phục hồi chức năng | 28 |

|                                                                                            |                         |         |               |                      |                                                                               |    |                                      |                                      |                             |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------|---------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------|----|
| 2                                                                                          | Đỗ Thị Thanh Chung      | Thạc sĩ | YHCT          | 0001985/BYT<br>-CCHN | Khám bệnh,<br>chữa bệnh bằng<br>Y học cổ truyền                               | 15 | Châm cứu                             | Châm cứu                             | Khoa<br>Châm<br>cứu         | 26 |
| <b>IV ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Bác sĩ chuyên khoa I/ Chuyên ngành tự chọn</b> |                         |         |               |                      |                                                                               |    |                                      |                                      |                             |    |
| 1                                                                                          | Nguyễn Bá Hưng          | BSCKI   | YHCT          | 0014098/BYT<br>-CCHN | Khám bệnh,<br>chữa bệnh bằng<br>Y học cổ truyền                               | 37 | Chuyên ngành<br>Nội(YHCT+<br>YHHĐ)   | Chuyên ngành<br>Nội(YHCT+Y<br>HHĐ)   | Khoa<br>Cơ<br>xương<br>khớp | 26 |
| 2                                                                                          | Phan Bình Dương         | BSCKI   | YHCT          | 0021619/BYT<br>-CCHN | Khám bệnh,<br>chữa bệnh bằng<br>Y học cổ truyền                               | 8  |                                      |                                      | Khoa<br>HSCC                | 5  |
| 3                                                                                          | Phạm Thái Hưng          | Tiến sĩ | Ngoại<br>khoa | 001985/BYT-<br>CCHN  | Khám chữa<br>bệnh chuyên<br>khoa ngoại                                        | 15 | Chuyên ngành<br>Ngoại(YHCT+Y<br>HHĐ) | Chuyên ngành<br>Ngoại(YHCT<br>+YHHĐ) | Khoa<br>Ngoại               | 6  |
| 4                                                                                          | Lê Văn Mạnh             | BSCKI   | YHCT          | 0014095/BYT<br>-CCHN | Khám bệnh,<br>chữa bệnh bằng<br>Y học cổ truyền                               | 9  | Chuyên ngành<br>Nội(YHCT+<br>YHHĐ)   | Chuyên ngành<br>Nội(YHCT+Y<br>HHĐ)   | Khoa<br>Nội<br>Nhi          | 20 |
| 5                                                                                          | Nguyễn Thị Hương<br>Lan | BSCKI   | Nhi<br>Khoa   | 0017606/BYT<br>-CCHN | Khám bệnh,<br>chữa bệnh bằng<br>Y học cổ truyền<br>kết hợp chuyên<br>khoa Nhi | 13 | Chuyên ngành<br>Nhi(YHCT+YH<br>HĐ)   | Chuyên ngành<br>Nhi(YHCT+Y<br>HHĐ)   | Khoa<br>Da<br>liệu          | 10 |

**SAU ĐẠI HỌC/ Y HỌC CỔ TRUYỀN****DANH SÁCH CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH  
(TẠI MỘT THỜI ĐIỂM)****1. Sau đại học/ YHCT/ Chuyên ngành tự chọn/ Chuyên ngành Nội(YHCT+YHHĐ)**

| STT | Tên trang thiết bị            | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|----------|---------|
| 1.  | Phòng học                     | 1        |         |
| 2.  | Máy chiếu                     | 1        |         |
| 3.  | Màn chiếu                     | 1        |         |
| 4.  | Bảng viết lớn                 | 1        |         |
| 5.  | Giường bệnh                   | 280      |         |
| 6.  | Phòng giao ban tại khoa phòng | 1        |         |
| 7.  | Bộ đo huyết áp                | 14       |         |
| 8.  | Ống nghe                      | 8        |         |
| 9.  | Đèn đọc phim                  | 10       |         |
| 10. | Buồng châm cứu                | 2        |         |
| 11. | Máy điện châm                 | 55       |         |
| 12. | Tranh châm cứu                | 4        |         |

**2. Sau đại học/ YHCT/ Chuyên ngành tự chọn/ Chuyên ngành Ngoại (YHCT+YHHĐ)**

| STT | Tên trang thiết bị            | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|----------|---------|
| 1.  | Phòng học                     | 1        |         |
| 2.  | Máy tính (laptop)             | 1        |         |
| 3.  | Máy chiếu                     | 1        |         |
| 4.  | Màn chiếu                     | 1        |         |
| 5.  | Bảng viết lớn                 | 280      |         |
| 6.  | Giường bệnh                   | 1        |         |
| 7.  | Phòng giao ban tại khoa phòng | 14       |         |

|     |                |    |  |
|-----|----------------|----|--|
| 8.  | Bộ đo huyết áp | 8  |  |
| 9.  | Ống nghe       | 10 |  |
| 10. | Đèn đọc phim   | 2  |  |
| 11. | Buồng châm cứu | 55 |  |
| 12. | Máy điện châm  | 4  |  |
| 13. | Tranh châm cứu | 1  |  |

**3. Sau đại học/ YHCT/ Chuyên ngành tự chọn/ Chuyên ngành Nhi (YHCT+YHHĐ)**

| STT | Tên trang thiết bị            | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|----------|---------|
| 1.  | Phòng học                     | 1        |         |
| 2.  | Máy tính (laptop)             | 1        |         |
| 3.  | Máy chiếu                     | 1        |         |
| 4.  | Màn chiếu                     | 1        |         |
| 5.  | Bảng viết lớn                 | 280      |         |
| 6.  | Giường bệnh                   | 1        |         |
| 7.  | Phòng giao ban tại khoa phòng | 14       |         |
| 8.  | Bộ đo huyết áp                | 8        |         |
| 9.  | Ống nghe                      | 10       |         |
| 10. | Đèn đọc phim                  | 2        |         |
| 11. | Buồng châm cứu                | 55       |         |
| 12. | Máy điện châm                 | 4        |         |
| 13. | Tranh châm cứu                | 1        |         |

**4. Sau đại học/ YHCT/ Chuyên ngành tự chọn/ Chuyên ngành Sản (YHCT+YHHĐ)**

| STT | Tên trang thiết bị            | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|----------|---------|
| 1.  | Phòng học                     | 1        |         |
| 2.  | Máy tính (laptop)             | 1        |         |
| 3.  | Máy chiếu                     | 1        |         |
| 4.  | Màn chiếu                     | 1        |         |
| 5.  | Bảng viết lớn                 | 280      |         |
| 6.  | Giường bệnh                   | 1        |         |
| 7.  | Phòng giao ban tại khoa phòng | 14       |         |
| 8.  | Bộ đo huyết áp                | 8        |         |
| 9.  | Ống nghe                      | 10       |         |
| 10. | Đèn đọc phim                  | 2        |         |
| 11. | Buồng châm cứu                | 55       |         |
| 12. | Máy điện châm                 | 4        |         |
| 13. | Tranh châm cứu                | 1        |         |

**5. Sau đại học/ YHCT/ Chuyên ngành tự chọn/ Chuyên ngành Lão (YHCT+YHHĐ)**

| STT | Tên trang thiết bị            | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|----------|---------|
| 1.  | Phòng học                     | 1        |         |
| 2.  | Máy tính (laptop)             | 1        |         |
| 3.  | Máy chiếu                     | 1        |         |
| 4.  | Màn chiếu                     | 1        |         |
| 5.  | Bảng viết lớn                 | 280      |         |
| 6.  | Giường bệnh                   | 1        |         |
| 7.  | Phòng giao ban tại khoa phòng | 14       |         |
| 8.  | Bộ đo huyết áp                | 8        |         |
| 9.  | Ống nghe                      | 10       |         |

|     |                |    |  |
|-----|----------------|----|--|
| 10. | Đèn đọc phim   | 2  |  |
| 11. | Buồng châm cứu | 55 |  |
| 12. | Máy điện châm  | 4  |  |
| 13. | Tranh châm cứu | 1  |  |

**6. Sau đại học/ YHCT/ Chuyên ngành tự chọn/ Phương pháp không dùng thuốc**

| STT | Tên trang thiết bị            | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|----------|---------|
| 1.  | Phòng học                     | 1        |         |
| 2.  | Máy tính (laptop)             | 1        |         |
| 3.  | Máy chiếu                     | 1        |         |
| 4.  | Màn chiếu                     | 1        |         |
| 5.  | Bảng viết lớn                 | 280      |         |
| 6.  | Giường bệnh                   | 1        |         |
| 7.  | Phòng giao ban tại khoa phòng | 14       |         |
| 8.  | Bộ đo huyết áp                | 8        |         |
| 9.  | Ống nghe                      | 10       |         |
| 10. | Đèn đọc phim                  | 2        |         |
| 11. | Buồng châm cứu                | 55       |         |
| 12. | Máy điện châm                 | 4        |         |
| 13. | Tranh châm cứu                | 1        |         |

**7. Sau đại học/ YHCT/ Chuyên ngành bắt buộc**

| STT | Tên trang thiết bị            | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|----------|---------|
| 1.  | Phòng học                     | 1        |         |
| 2.  | Máy tính (laptop)             | 1        |         |
| 3.  | Máy chiếu                     | 1        |         |
| 4.  | Màn chiếu                     | 1        |         |
| 5.  | Bảng viết lớn                 | 280      |         |
| 6.  | Giường bệnh                   | 1        |         |
| 7.  | Phòng giao ban tại khoa phòng | 14       |         |
| 8.  | Bộ đo huyết áp                | 8        |         |
| 9.  | Ổng nghe                      | 10       |         |
| 10. | Đèn đọc phim                  | 2        |         |
| 11. | Buồng châm cứu                | 55       |         |
| 12. | Máy điện châm                 | 4        |         |
| 13. | Tranh châm cứu                | 1        |         |

| STT      | Họ và tên                                                                                                     | Học hàm học vị, Chuyên khoa Nội trú | Ngành, Chuyên ngành đã được đào tạo | Chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề                                                                          | Số năm kinh nghiệm KCB | Môn học/ Học phần/ Tín chỉ                       | Nội dung môn học                                 | Khoa đạt yêu cầu thực hành | Số giường đạt yêu cầu thực hành |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------|
| <b>V</b> | <b>ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Bác sĩ Nội trú</b>                                                   |                                     |                                     |                     |                                                                                            |                        |                                                  |                                                  |                            |                                 |
| <b>1</b> | <b>ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Bác sĩ Nội trú/ Châm cứu tích hợp điều trị</b>                       |                                     |                                     |                     |                                                                                            |                        |                                                  |                                                  |                            |                                 |
| 1        | Trần Quang Văn                                                                                                | Thạc sĩ                             | Nội khoa YHCT                       | 0014259/BYT-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền kết hợp với Nội khoa                             | 6                      | Châm cứu tích hợp điều trị                       | Châm cứu tích hợp điều trị                       | Khoa Châm cứu              | 26                              |
| <b>2</b> | <b>ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Bác sĩ Nội trú/ Khí công - dưỡng sinh - XBBH (tích hợp điều trị)</b> |                                     |                                     |                     |                                                                                            |                        |                                                  |                                                  |                            |                                 |
| 1        | Đỗ Thị Thúy Anh                                                                                               | BSCKII                              | Chuyên khoa tâm thần, PHCN, YHCT    | 002289/BYT-CCHN     | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền kết hợp phục hồi chức năng, chuyên khoa tâm thần | 23                     | Khí công - dưỡng sinh - XBBH (tích hợp điều trị) | Khí công - dưỡng sinh - XBBH (tích hợp điều trị) | Khoa PHCN                  | 28                              |
| <b>3</b> | <b>ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Bác sĩ Nội trú/ Phương tử lâm sàng (tích hợp điều trị)</b>           |                                     |                                     |                     |                                                                                            |                        |                                                  |                                                  |                            |                                 |
| 1        | Nguyễn Vĩnh Thanh                                                                                             | Thạc sĩ                             | YHCT                                | 007161/BYT-CCHN     | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                                                  | 20                     | Phương tử lâm sàng (tích hợp điều trị)           | Phương tử lâm sàng (tích hợp điều trị)           | Khoa Lão - TM              | 28                              |
| 2        | Phạm Thuỷ Phương                                                                                              | BS CKII                             | Nội YHCT                            | 000651/BYT-CCHN     | Khám chữa bệnh bằng                                                                        | 13                     | Điều trị ngoại - phụ YHHT                        | Điều trị ngoại - phụ                             | Khoa Lão -                 | 28                              |

|           |                                                                                                                               |         |            |                    |                                                                     |    |                                                                      |                                                                      |              |    |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------|----|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|----|
|           |                                                                                                                               |         |            |                    | YHCT, kết hợp với điều trị sản phụ khoa bằng YHCT                   |    | kết hợp YHCT, Chuyên đề chuyên ngành Sản                             | YHHĐ kết hợp YHCT, Chuyên đề chuyên ngành Sản                        | TM           |    |
| 4         | <b>ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Bác sĩ Nội trú/ Điều trị nội - nhi YHHĐ kết hợp YHCT, Chuyên đề chuyên ngành Nhi</b> |         |            |                    |                                                                     |    |                                                                      |                                                                      |              |    |
| 1         | Nguyễn Thị Trang                                                                                                              | Thạc sĩ | YHCT       | 21472/BYT -CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                           | 8  | Điều trị nội - nhi YHHĐ kết hợp YHCT, Chuyên đề chuyên ngành Nhi     | Điều trị nội - nhi YHHĐ kết hợp YHCT, Chuyên đề chuyên ngành Nhi     | Khoa Nội nhi | 20 |
| 5         | <b>ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Bác sĩ Nội trú/ Điều trị ngoại YHHĐ kết hợp YHCT, Chuyên đề chuyên ngành Ngoại</b>   |         |            |                    |                                                                     |    |                                                                      |                                                                      |              |    |
| 1         | Nguyễn Thái Sơn                                                                                                               | Thạc sĩ | Ngoại khoa | 0017621/ BYT- CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền kết hợp chuyên khoa Ngoại | 14 | Điều trị ngoại - phụ YHHĐ kết hợp YHCT, Chuyên đề chuyên ngành Ngoại | Điều trị ngoại - phụ YHHĐ kết hợp YHCT, Chuyên đề chuyên ngành Ngoại | Khoa Ngoại   | 6  |
| <b>VI</b> | <b>ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Bác sĩ</b>                                                                               |         |            |                    |                                                                     |    |                                                                      |                                                                      |              |    |
| 1         | <b>ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/Bác sĩ / Thuốc YHCT</b>                                                                   |         |            |                    |                                                                     |    |                                                                      |                                                                      |              |    |
| 1         | Nguyễn Duy Thức                                                                                                               | Dược sĩ | Dược sĩ    | 03313/HNO          |                                                                     | 13 | Thuốc                                                                | Thuốc YHCT                                                           | Ban          |    |

|   |                                                                                |         |               |                   |                                                                      |   |                                       |                                       |               |    |
|---|--------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------|---|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------|----|
|   |                                                                                | Đại học |               | - CCHND           |                                                                      |   | YHCT                                  |                                       | Giám đốc      |    |
| 2 | ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/Bác sĩ / Châm cứu                             |         |               |                   |                                                                      |   |                                       |                                       |               |    |
| 1 | Đào Thế Anh                                                                    | Bác sĩ  | Nội khoa YHCT | 033267/BY T-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                            | 3 | Châm cứu                              | Châm cứu                              | Khoa Châm cứu | 26 |
| 3 | ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Bác sĩ/Phương pháp điều trị không dùng thuốc |         |               |                   |                                                                      |   |                                       |                                       |               |    |
| 1 | Vũ Thị Hằng                                                                    | Thạc sĩ | PHCN YHCT     | 48250/BYT -CCHN   | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền kết hợp phục hồi chức năng | 3 | Phương pháp điều trị không dùng thuốc | Phương pháp điều trị không dùng thuốc | Khoa PHCN     | 28 |
| 4 | ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Bác sĩ/Phương tễ                             |         |               |                   |                                                                      |   |                                       |                                       |               |    |
| 1 | Nguyễn Anh Thu                                                                 | Thạc sĩ | YHCT          | 0021420/B YT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                            | 9 | Phương tễ                             | Phương tễ                             | Khoa Nội tiết | 15 |
| 5 | ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Bác sĩ/Bệnh học và điều trị Nội YHCT         |         |               |                   |                                                                      |   |                                       |                                       |               |    |
| 1 | Đặng Thị Phương                                                                | BSCKI   | YHCT          | 0021621/B YT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                            | 8 | Bệnh học và điều trị Nội              | Bệnh học và điều trị Nội              | Khoa Thận-TN  | 5  |
| 2 | Nguyễn Tiến Hùng                                                               | BSCKI   | YHCT          | 033107/BY T-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                            | 5 |                                       |                                       |               |    |
| 6 | ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Bác sĩ/Bệnh học và điều trị Ngoại, Sản YHCT  |         |               |                   |                                                                      |   |                                       |                                       |               |    |
| 1 | Trần Văn Thế                                                                   | Bác sĩ  | Ngoại YHCT    | 48249/BYT -CCHN   | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                            | 3 | Bệnh học và điều trị Ngoại YHCT       | Bệnh học và điều trị Ngoại YHCT       | Khoa Ngoại    | 6  |

|   |                                                                               |                 |             |                         |                                                                                      |    |                                     |                                     |                 |    |
|---|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------------------------|-------------------------------------|-----------------|----|
| 2 | Nguyễn Thị Thủy                                                               | Tiến sĩ         | Sản<br>YHCT | 0014304/B<br>YT-CCHN    | Khám chữa<br>bệnh bằng<br>YHCT, kết hợp<br>với điều trị sản<br>phụ khoa bằng<br>YHCT | 20 | Bệnh học và<br>điều trị Sản<br>YHCT | Bệnh học và<br>điều trị Sản<br>YHCT | Khoa<br>Sản     | 5  |
| 7 | <b>ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Bác sĩ/Bệnh học và điều trị Nhi YHCT</b> |                 |             |                         |                                                                                      |    |                                     |                                     |                 |    |
| 1 | Đỗ Bá Kế                                                                      | Thạc sĩ<br>BSNT | YHCT        | 028155/HN<br>O-CCHN     | Khám bệnh,<br>chữa bệnh bằng<br>Y học cổ truyền                                      | 3  | Bệnh học và<br>điều trị Nhi<br>YHCT | Bệnh học và<br>điều trị Nhi<br>YHCT | Khoa<br>Nội nhi | 20 |
| 8 | <b>ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC/ Y Học Cổ Truyền/ Bác sĩ/Bệnh học và điều trị Lão YHCT</b> |                 |             |                         |                                                                                      |    |                                     |                                     |                 |    |
| 1 | Nguyễn Thị Mai                                                                | Bác sĩ          | YHCT        | 001977/<br>BYT-<br>CCHN | Khám bệnh,<br>chữa bệnh bằng<br>Y học cổ truyền                                      | 20 | Bệnh học và<br>điều trị Lão<br>YHCT | Bệnh học và<br>điều trị Lão<br>YHCT | Khoa<br>Lão     | 28 |

**ĐẠI HỌC/ Y HỌC CỔ TRUYỀN****DANH SÁCH CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH  
( TẠI MỘT THỜI ĐIỂM)****1. Đại học/ YHCT/ Thuốc YHCT, Phương tể**

| STT | Tên trang thiết bị                 | Số lượng | Ghi chú |
|-----|------------------------------------|----------|---------|
| 1.  | Phòng học                          | 1        |         |
| 2.  | Máy chiếu                          | 1        |         |
| 3.  | Màn chiếu                          | 1        |         |
| 4.  | Kho thuốc nội trú                  | 2        |         |
| 5.  | Kho thuốc ngoại trú                | 2        |         |
| 6.  | Máy tính + phần mềm cấp phát thuốc | 1        |         |
| 7.  | Phòng bào chế                      | 1        |         |
| 8.  | Phòng kiểm nghiệm                  | 1        |         |
| 9.  | Phòng sắc thuốc                    | 1        |         |

**2. Đại học/ YHCT/ Châm cứu và Phương pháp không dùng thuốc**

| STT | Tên trang thiết bị            | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|----------|---------|
| 1.  | Phòng học                     | 1        |         |
| 2.  | Máy chiếu                     | 1        |         |
| 3.  | Màn chiếu                     | 1        |         |
| 4.  | Bảng viết lớn                 | 1        |         |
| 5.  | Giường bệnh                   | 280      |         |
| 6.  | Phòng giao ban tại khoa phòng | 1        |         |
| 7.  | Bộ đo huyết áp                | 14       |         |
| 8.  | Ổng nghe                      | 8        |         |
| 9.  | Đèn đọc phim                  | 10       |         |

|     |                |    |  |
|-----|----------------|----|--|
| 10. | Buồng châm cứu | 2  |  |
| 11. | Máy điện châm  | 55 |  |
| 12. | Tranh châm cứu | 4  |  |

**3. Đại học/ YHCT/ Bệnh học và điều trị YHCT**

| STT | Tên trang thiết bị            | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|----------|---------|
| 1.  | Phòng học                     | 1        |         |
| 2.  | Máy chiếu                     | 1        |         |
| 3.  | Màn chiếu                     | 1        |         |
| 4.  | Bảng viết lớn                 | 1        |         |
| 5.  | Giường bệnh                   | 280      |         |
| 6.  | Phòng giao ban tại khoa phòng | 1        |         |
| 7.  | Bộ đo huyết áp                | 14       |         |
| 8.  | Ống nghe                      | 8        |         |
| 9.  | Đèn đọc phim                  | 10       |         |
| 10. | Buồng châm cứu                | 2        |         |
| 11. | Máy điện châm                 | 55       |         |
| 12. | Tranh châm cứu                | 4        |         |